

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2020/HNGĐ-ST.

Ngày: 25-6-2020.

V/v: “*Tranh chấp về nam, nữ chung sống
với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đức Dũng.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Chớ;
2. Bà Nguyễn Thị Thay.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phú, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Trung Thành – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 316/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp về nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1968; địa chỉ cư trú: Tổ 9, ấp 3, xã Suối N, huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.
2. Bị đơn: Ông Võ Văn H1, sinh năm 1962; địa chỉ cư trú: Tổ 9, ấp 3, xã Suối N, huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26-5-2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà và ông Võ Văn H1 chung sống với nhau như vợ, chồng từ năm 1989, nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, ông H1 có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên bà và ông H1 phát sinh mâu thuẫn cự cãi, đánh

nhau. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết việc chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn giữa bà và ông H1 theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Có 02 cháu tên Võ Chí T, sinh ngày 13-02-1990 và Võ Chí H2, sinh ngày 10-3-1991. Nay các cháu T và H2 đã thành niên, đi làm sinh sống ổn định nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Võ Văn H1 trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị H chung sống với nhau như vợ, chồng từ năm 1989, nhưng không đăng ký kết hôn. Về nguyên nhân mâu thuẫn giữa ông và bà H như bà H trình bày là không đúng mà do bà H không tin tưởng ông nên dẫn đến tình cảm xa cách. Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết việc chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn giữa ông và bà H theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Có 02 cháu như bà H trình bày. Nay các cháu T và H2 đã thành niên, đi làm sinh sống ổn định nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành của những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 9, 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về “Tranh chấp về nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn” đối với ông Võ Văn H1. Việc chung sống giữa bà Nguyễn Thị H và ông Võ Văn H1 không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng; về con chung: Có 02 cháu Võ Chí T, sinh ngày 13-02-1990 và Võ Chí H2, sinh ngày 10-3-1991 đã thành niên, đi làm sinh sống ổn định nên bà H và ông H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản chung và nợ chung: Bà H và ông H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết; về án phí: Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận công khai tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị H và ông Võ Văn H1 là nguyên đơn, bị đơn trong vụ án có đơn xin vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bà H và ông H1.

[2] Về nội dung: Bà Nguyễn Thị H và ông Võ Văn H1 chung sống với nhau như vợ, chồng từ năm 1989, nhưng không đăng ký kết hôn. Căn cứ Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình thì việc chung sống như vợ, chồng giữa bà H và ông H1 không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

[3] Về con chung: Có 02 cháu Võ Chí T, sinh ngày 13-02-1990 và Võ Chí H2, sinh ngày 10-3-1991 đã thành niên, đi làm sinh sống ổn định nên bà H và ông H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà H và ông H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về “Tranh chấp về nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn” đối với ông Võ Văn H1. Việc chung sống giữa bà Nguyễn Thị H và ông Võ Văn H1 không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

2. Về con chung: Có 02 cháu Võ Chí T, sinh ngày 13-02-1990 và Võ Chí H2, sinh ngày 10-3-1991 đã thành niên, đi làm sinh sống ổn định nên bà Nguyễn Thị H và ông Võ Văn H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Võ Văn H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0000698, ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; bà H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Châu;
- Chi cục THADS huyện Tân Châu;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Đức Dũng